

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 164/2018/DS-ST

Ngày: 12/9/2018

V/v tranh chấp “*Hợp đồng góp hui*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Trần Xuân Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông Mã Thanh Trung

2) Ông Trần Trung Nhân

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 312/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị Hồng A; sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: 1/ Bà Nguyễn Thị Thúy A; sinh năm: 1991 (có mặt)

2/ Ông Trần Minh T, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Cùng Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/7/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Mai Thị Hồng A trình bày: Vào năm 2017 vợ chồng bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Trần Minh T có tham gia tổng cộng 06 dây hui do bà làm đầu thảo. Sau khi lĩnh hui, vợ chồng bà A không góp lại cho bà các phần hui đã lĩnh. Hiện còn nợ lại số tiền hui cụ thể như sau:

Dây 1: Khai ngày 02/02/2017 ã, mức g3p hui 1.000.000 3ng/ph3n, hui g3m 18 ph3n, bà A tham gia 02 ph3n, 3ã h3t hui, c3n n3 l3i 02 kỳ chưa g3p v3i s3 ti3n 4.000.000 3ng.

Dây 2: Khai ngày 25/3/2017 ã, mức g3p hui 1.000.000 3ng/ph3n, hui g3m 25 ph3n, bà A tham gia 02 ph3n, 3ã h3t hui, c3n n3 kỳ chưa g3p v3i s3 ti3n 4.000.000 3ng và 11 kỳ chưa 3n hạn g3p v3i s3 ti3n 18.000.000 3ng.

Dây 3: Khai ngày 10/4/2017 ã, mức g3p hui 1.000.000 3ng/ph3n, hui g3m 22 ph3n, bà A tham gia 02 ph3n, 3ã h3t hui, c3n n3 kỳ chưa g3p v3i s3 ti3n 4.000.000 3ng và 07 kỳ chưa 3n hạn g3p v3i s3 ti3n là 14.000.000 3ng.

Dây 4: Khai ngày 25/6/2017 ã, mức g3p hui 1.000.000 3ng/ph3n, bà A tham gia 03 ph3n, 3ã h3t hui, c3n n3 l3i 02 kỳ chưa g3p v3i s3 ti3n 6.000.000 3ng và 09 kỳ chưa 3n hạn g3p v3i s3 ti3n 27.000.000 3ng.

Dây 5: Khai ngày 15/9/2017 ã, mức g3p hui 1.000.000 3ng/ph3n, bà A tham gia 01 ph3n, 3ã h3t hui, c3n n3 l3i 02 kỳ chưa g3p v3i s3 ti3n 2.000.000 3ng và 14 kỳ chưa 3n hạn g3p v3i s3 ti3n 14.000.000 3ng.

Dây 6: Khai ngày 20/8/2017 ã, mức g3p hui 1.000.000 3ng/ph3n, bà A tham gia 03 ph3n, 3ã h3t hui, c3n n3 l3i 02 kỳ chưa g3p v3i s3 ti3n 6.000.000 3ng và 12 kỳ chưa 3n hạn g3p v3i s3 ti3n 36.000.000 3ng.

T3ng c3ng 06 dây hui, bà A, 3ng T c3n n3 bà 135.000.000 3ng. Tuy nhi3n trong quá trình gi3i quy3t vụ 3n và t3i phiên tòa h3m nay, nguy3n 3n bà A chỉ yêu cầu bà A và 3ng T trả cho bà 108.000.000 3ng, trong 33 yêu cầu trả cho bà 01 lần s3 ti3n 37.000.000 3ng n3 hui 3ã 3n kỳ khai hui nhưng chưa g3p, 33i v3i 71.000.000 3ng ti3n hui chưa 3n kỳ g3p yêu cầu bà A, 3ng T trả cho bà khi 3n kỳ khai hui.

T3i bản tự khai ngày 13/8/2018, l3i khai trong quá trình gi3i quy3t vụ 3n và t3i phiên tòa h3m nay, bị 3n bà Nguy3n Th3 Thúy A trình bày: Bà thừa nh3n có tham gia chơi các dây hui như bà A trình bày. Hi3n bà c3n n3 bà At3ng c3ng 108.000.000 3ng. Nay bà A 3ng ý tự mình trả cho bà A108.000.000 3ng, xin trả d3n m3i tháng 500.000 3ng. Không 3ng ý vi3c 3ng T li3n 33i trả cùng bà s3 n3 hui tr3n.

T3i bản tự khai ngày 13/8/2018, l3i khai trong quá trình gi3i quy3t vụ 3n, bị 3n 3ng Tr3n Minh T có bản khai trình bày: 3ng là chồng của bà A. Vi3c bà A có giao dịch chơi hui v3i bà A hay không, lấy s3 ti3n tr3n chỉ tiêu vào mục 33ch gì 3ng 3u không bi3t. Vì vậy 3ng không 3ng ý trả ti3n theo yêu cầu khởi ki3n của bà A.

T3i phiên tòa, nguy3n 3n bà Mai Th3 Hồng A yêu cầu bà A và 3ng T trả cho bà 108.000.000 3ng. Bị 3n bà A không 3ng ý v3i yêu cầu khởi ki3n của nguy3n 3n.

NH3N 33NH CỦA T3I 3N:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Mai Thị Hồng A và bà Nguyễn Thị Thu A, ông Trần Minh T là quan hệ tranh chấp hợp đồng góp hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Trần Minh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của ông T là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết vắng mặt của ông T.

[3] Tại phiên tòa, bà Mai Thị Hồng A có thay đổi so với yêu cầu khởi kiện ban đầu, cụ thể bà A yêu cầu buộc bà A và ông T cùng trả cho bà 108.000.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà A là trên cơ sở tự nguyện, nội dung xin thay đổi nằm trong yêu cầu khởi kiện ban đầu, theo hướng có lợi cho phía bị đơn và phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà A và ông T không có ý kiến gì đối với việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn nên yêu cầu của bà A là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà A về số tiền trả, hình thức trả và thời gian trả, Hội đồng xét xử nhận định: Tại phiên tòa, hai bên đã thống nhất về số dây hội và số tiền trong giao dịch chơi hội với nhau. Nguyên đơn bà A đã cung cấp được đầy đủ chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có cơ sở. Bị đơn bà A cũng đã thừa nhận số tiền còn nợ bà A là 108.000.000 đồng. Như vậy có đủ cơ sở xác định giao dịch chơi hội giữa bà A và bà A là có thật nên yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Hồng A là có cơ sở chấp nhận.

Về hình thức trả và thời gian trả, bà A yêu cầu buộc bị đơn trả 01 lần số tiền 37.000.000 đồng nợ hội mà vợ chồng bà A chưa góp và trả theo kỳ góp hội đối với số tiền 71.000.000 đồng tiền hội chưa đến kỳ góp là phù hợp với Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 quy định về Họ, hội, biểu phưởng nên yêu cầu của bà A là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của bà A về việc buộc bà A và ông T liên đới trả số tiền 108.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định: Bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Trần Minh T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh T. Hiện tại bà A và ông T vẫn còn đang chung sống. Từ khi đăng ký kết hôn đến nay, hai bên không có thỏa thuận nào về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng. Các giao dịch hội và giao dịch vay mượn tiền ông T đều biết và cũng đã cùng bà A trả cho bà A một phần số nợ hội trên. Số tiền có được dùng để chơi hội và trả nợ hội xuất phát từ nguồn thu nhập dùng trong chi tiêu nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình, duy trì, phát triển khối tài sản chung của bà A và ông T. Vì vậy ông T phải có trách nhiệm liên đới đối với số nợ mà bà A gây ra theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy yêu cầu khởi kiện của bà A về việc buộc bà A

và ông T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 108.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của bà A về việc xin trả dần số tiền còn nợ cho bà A mỗi tháng 500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà A nợ bà A số tiền trong thời gian dài, bà A đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng vợ chồng bà A không thực hiện. Như vậy chứng tỏ bà A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bà A. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn bà A không chứng minh được hoàn cảnh kinh tế hiện tại của mình đang gặp khó khăn, việc xin trả số tiền trên mỗi tháng 500.000 đồng là nhằm kéo dài thời gian, không có thiện chí trả nợ nên yêu cầu của bà A là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Trần Minh T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 147, 228, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 quy định về Họ, họ, biểu phượng;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Hồng A. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Trần Minh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà A số tiền 108.000.000 đồng, thời gian trả và cách trả như sau:

Đối với số tiền 37.000.000 đồng, buộc bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Trần Minh T trả cho bà A 1 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với số tiền 71.000.000 đồng, buộc bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Trần Minh T trả cho bà A theo kỳ góp hui. Khi đến kỳ góp hui của các dây hui. Nếu bà Thúy A và ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà A có quyền yêu cầu bà Thúy A và ông T trả cho bà 01 lần số tiền còn lại trong tổng số tiền 71.000.000 đồng nợ hui.

Kể từ ngày bà Mai Thị Hồng A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà A, ông T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2/ Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Trần Minh T phải chịu 5.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Mai Thị Hồng A 3.375.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 09087 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Nguyên đơn bà Mai Thị Hồng A và bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Ông Trần Minh T có có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu AV.HS.

Lê Trần Xuân Văn